

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2024/DS-ST

Ngày 30 - 9- 2024

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ

Các Hội Thẩm nhân dân:

Ông Lâm Ngọc Hà

Ông Nguyễn Văn Ngu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Tú Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Kim Thị Cẩm Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 và ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 107/2024/TLST-DS, ngày 07 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190/2024/QĐXXST-DS ngày 26 ngày 8 tháng 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần S Có Ngay

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kanokwatpaisal N; Chức vụ: Giám đốc Công ty cổ phần S Ngay

Trụ sở chính: Số A đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Ông Nguyễn Lam T

Địa chỉ: Số D đường L, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt, nhưng ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Thạch H, sinh năm 2003

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là Công ty cổ phần S Có Ngay và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Lam T điều trình bày:

Công ty cổ phần S (sau đây gọi là Công ty) hoạt động ở nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực cầm cố tài sản và ngày 23/12/2023 ông Thạch H có đến Công ty cổ phần S - Chi nhánh S1 tại địa chỉ số D đường L, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng để ký hợp đồng cầm cố tài sản số: STM231201017NA22X được ký giữa các bên vào ngày 23/12/2023 số đăng ký Giao dịch đảm bảo trên hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục Đ: Giaodichdambao/botuphap: 1528686322 theo web: <https://dktructuyen.moj.gov.vn> ông H có ký hợp đồng cầm cố tài sản là: 01 xe mô tô hai bánh BKS 83G-112.51; Loại xe HONDA FUTURE 125CC màu: Trắng; số khung RLHJC7651NY170187 và số máy JC90E0366825; số giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 000226 do Công an xã T, huyện C cấp ngày 08/11/2022 để lấy số tiền là 26.862.000 đồng (Hai mươi sáu triệu, tám trăm sáu mươi hai nghìn đồng); thời hạn cầm cố là 18 tháng (từ ngày 23/12/2023 đến ngày 23/6/2025) với mức lãi suất là 1,1%/ tháng. Theo hợp đồng cầm cố đã ký Công ty đã giải ngân đầy đủ số tiền trên cho ông H.

Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên Công ty có ký giấy cho ông H mượn lại xe sử dụng. Trong giấy mượn xe có quy định rõ thời hạn mượn xe từ ngày 23/12/2023 đến ngày 23/01/2024 địa điểm trả xe là tại Chi nhánh S1. Ông H có cam kết rõ ràng trong giấy mượn xe: “Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận”.

Quá trình trả nợ ông H chưa thanh toán đúng nghĩa vụ theo hợp đồng cho Công ty đến nay đã quá hạn hợp đồng hiện tại trễ 74 ngày, ông H không trả nợ cho Công ty và cũng không trả lại xe máy cho Công ty.

Nhân viên của Công ty đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và đến nhà ông H nhưng đều không gặp ông H. Công ty đã tạo rất nhiều điều kiện về thời gian để ông H trả lại tiền hoặc tài sản là xe máy đã cầm cố cho Công ty nhưng ông H không thực hiện và có biểu hiện trốn tránh, chiếm đoạt tài sản của Công ty.

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe đã ký với Công ty cổ phần S - Chi nhánh S1 theo Hợp đồng cầm cố số STM231201017NA22X, kèm giấy mượn xe đã ký với Chi nhánh S1 - Công ty cổ phần S Có Ngay ngày 23/12/2023 số tiền 35.766.000 đồng (Ba mươi lăm triệu, bảy trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) tạm tính đến ngày 06/04/2024 bao gồm:

+ Gốc: 26.862.000 VNĐ

- + Lãi: 1.182.000 VNĐ (1.1%/tháng)
- + Phí QLHS : 538.000 VNĐ (0.5%/tháng)
- + Phí mượn xe: 5.373.00 VNĐ (5 %/tháng)
- + Phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 303.000 vnd
- + Phí thanh lý trước hạn: 1.508.000 vnd

Ngoài ra ông H còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 23/12/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt Công ty cổ phần S Có Ngay yêu cầu Tòa án giải quyết, cụ thể: Buộc ông Thạch H phải thanh toán số tiền cho Công ty cổ phần S Có Ngay số tiền tạm tính đến ngày 27/9/2024 là 29.560.736 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 26.862.000 đồng, tiền lãi trong hạn 1,1% là 2.698.736 đồng (tính từ ngày 24/12/2023 đến ngày 27/9/2024 là 09 tháng 4 ngày) và yêu cầu ông H tiếp tục trả lãi theo hợp đồng cầm cố đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ và sau khi ông H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, Công ty sẽ tiến hành giao trả lại Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 83 000226 biển số đăng ký 83G1-112.51 do Công an xã T, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 08/11/2022 cho ông H đứng tên chủ sở hữu.

Nguyên đơn xin rút lại và không yêu cầu các khoản sau:

- + Phí QLHS: 538.000 VNĐ (0.5%/tháng)
- + Phí mượn xe: 5.373.00 VNĐ (5 %/tháng)
- + Phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 303.000 vnd
- + Phí thanh lý trước hạn: 1.508.000 vnd
- + Không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

* Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã tóm tắt nội dung đơn khởi kiện và các yêu cầu của nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay tại thông báo thụ lý vụ án số: 107/TB-TLVA, ngày 07 tháng 6 năm 2024 và đã tổng đạt hợp lệ cho ông Thạch H, cũng như đã triệu tập hợp lệ ông H đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần và Tòa án đã thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông. Nhưng ông H không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn và cũng không đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời, Tòa án cũng ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Ông H cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

* Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S Có

Ngay buộc bị đơn H phải trả cho nguyên đơn số tiền vốn, lãi tính đến ngày 27/9/2024 là 29.560.736 đồng và kể từ ngày 28/9/2024 bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi theo hợp đồng cầm cố đã được các bên ký kết. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn khi bị đơn trả hết tiền vốn và tiền lãi, nguyên đơn sẽ trả lại bản chính Giấy chứng nhận đăng ký mô tô và đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu về tất cả các khoản phí, yêu cầu xử lý tài sản mà nguyên đơn đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng:

[1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn là Công ty cổ phần S Có Ngay yêu cầu ông Thạch H phải trả số tiền nợ gốc, tiền lãi theo Hợp đồng cầm cố số STM231201017NA22X ngày 23/12/2023 và bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn Thạch H vẫn vắng mặt không rõ lý do, riêng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Lam T vắng mặt, nhưng ông T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T và ông H theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay là ông Nguyễn Lam T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc: Theo đơn khởi kiện trước đây nguyên đơn yêu cầu buộc ông Thạch H phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tiền vốn vay là 26.862.000 đồng, tiền lãi trong hạn 1.182.000 đồng, phí QLHS: 538.000 đồng (0.5%/tháng), phí mượn xe: 537.300 đồng (5%/tháng), phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 303.000 đồng, phí thanh lý trước hạn: 1.508.000 đồng và không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Nay nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu ông H phải trả phí QLHS: 538.000 đồng (0.5%/tháng), phí mượn xe: 537.300 đồng (5%/tháng), phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 303.000 đồng, phí thanh lý trước hạn: 1.508.000 đồng và không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện theo quy định tại Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

* Về nội dung vụ án:

[4] Nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng giải quyết buộc bị đơn Thạch H phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ lại của Hợp đồng cầm cố số TM231201017NA22X ký ngày 23/12/2023 mà các bên đã ký kết với số tiền tổng cộng tiền vốn gốc và tiền lãi là 29.560.736 đồng (trong đó: nợ gốc: 26.862.000 đồng và tiền lãi tổng cộng là 2.698.736 đồng) và tiếp tục trả lãi cho đến khi trả dứt nợ.

[4.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng: Vào ngày 23/12/2023 thông qua Hợp đồng cầm cố số STM231201017NA22X Công ty cổ phần S - Chi nhánh S1 (gọi tắt là Công ty) đã giải ngân cho ông Thạch H số tiền cầm cố cụ thể là 26.862.000 đồng và Công ty cổ phần S - Chi nhánh S1 nhận bảo đảm khoản tiền cầm cố trên cũng thông qua Hợp đồng cầm cố số STM231201017NA22X, số đăng ký giao dịch bảo đảm trên hệ thống Đăng ký trực tuyến của Cục Đ: Giaodichdambao/botuphap số 1528686322 theo web: <https://dktructuyen.moj.gov.vn/> với tài sản cầm cố là chiếc xe máy: Biển kiểm soát số là 83G1-112.51 nhãn hiệu là HONDA FUTURE 125CC màu: Trắng; số khung RLHJC7651NY170187 và số máy JC90E0366825, thuộc quyền sở hữu của ông Thạch H.

Xét thấy, Hợp đồng cầm cố tài sản được các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay bị ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp phù hợp với quy định tại Điều 309 Bộ luật Dân sự năm 2015. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông H không trả tiền gốc cho Công ty cổ phần S Có Ngay khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ theo Điều 311 Bộ luật Dân sự năm 2015. Công ty cổ phần S Có Ngay khởi kiện yêu cầu ông Thạch H có nghĩa vụ trả số tiền 29.560.736 đồng là phù hợp.

[4.2] Về yêu cầu tính lãi: Công ty cổ phần S Có Ngay có đăng ký kinh doanh dịch vụ cầm đồ, nên yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền 26.862.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo nội dung của Hợp đồng cầm cố số STM231201017NA22X ngày 23/12/2023, thời hạn vay là 18 tháng, kể từ ngày 23/12/2023 đến ngày 23/6/2025, lãi suất cố định là 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế, tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền. Tuy nhiên, kể từ ngày 23/12/2023 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm ngày 27/9/2024 đã quá hạn hợp đồng trễ 09 tháng 04 ngày, ông H vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo như đúng cam kết. Số tiền dư nợ gốc và lãi còn lại mà ông H chưa thanh toán cho Công ty cổ phần S Có Ngay là 29.560.736 đồng. Trong đó: nợ gốc: 26.862.000 đồng; nợ lãi: $1,1\% \times 26.862.000 \times 09 \text{ tháng } 4 \text{ ngày} = 2.698.736 \text{ đồng}$.

Do đó, yêu cầu tính lãi nêu trên của nguyên đơn là có căn cứ. Theo đó, căn cứ khoản 6 Điều 29 Nghị định 96/2016/NĐ-CP/01/7/2016 của Chính phủ và điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP/01/10/2029 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Nên yêu cầu này của

Công ty cổ phần S Có Ngay là phù hợp với Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tổng số tiền dư nợ gốc và lãi mà ông H chưa thanh toán cho Công ty cổ phần S Có Ngay tính đến ngày 27/9/2024 là 29.560.736 đồng (Trong đó: nợ gốc: 26.862.000 đồng; nợ lãi: $1,1\% \times 26.862.000 \times 09$ tháng 4 ngày = 2.698.736 đồng. Từ các mục [4.1] và [4.2], Hội đồng xét xử buộc ông Thạch H có nghĩa vụ trả Công ty cổ phần S Có Ngay tính đến ngày 27/9/2024 số tiền gốc 26.862.000 đồng, lãi 2.698.736 đồng. Tổng cộng là 29.560.736 đồng.

Kể từ ngày 28/9/2024, ông Thạch H còn phải trả lãi cho nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố số STM231201017NA22X ngày 23/12/2023 trên số tiền gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong số tiền gốc.

Ngay sau khi ông H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Công ty cổ phần S Có Ngay có trách nhiệm giao trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy của ông Thạch H là phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Như đã phân tích ở trên đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S và đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí và bị đơn H phải chịu án phí theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5, Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 92, Điều 147, Khoản 2 Điều 244, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 3 Điều 235, Điều 238, Điều 271, Khoản 1 Điều 273, Điều 278, Khoản 2 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 309, 311 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Khoản 6 Điều 29 Nghị định 96/2016/NĐ-CP/01/7/2016 của Chính phủ và điểm a Khoản 2 Điều 4 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP/01/10/2029 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S về việc: Buộc ông Thạch H phải trả phí QLHS: 538.000 đồng (0.5%/tháng), phí

mượn xe: 537.300 đồng (5 %/tháng), phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 303.000 đồng, phí thanh lý trước hạn: 1.508.000 đồng và không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty cổ phần S Có Ngay: Buộc bị đơn là ông Thạch H có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay số tiền tổng cộng là 29.560.736 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 26.862.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 23/12/2023 đến ngày 27/9/2024 là 2.698.736 đồng).

Kể từ ngày 28/9/2024, ông Thạch H còn phải trả lãi cho nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố số MXM231201008NA22X ngày 18/12/2023 trên số tiền gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong số tiền gốc.

Khi ông H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Công ty cổ phần S Có Ngay có trách nhiệm trả lại bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 83 000226 do Công an xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Thạch H vào ngày 08/11/2022, Biển số đăng ký là 83G1-112.51, nhãn hiệu là HONDA; Số khung RLHJC7651NY170187 và số máy JC90E0366825.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông H phải chịu là 1.478.036 đồng. Nguyên đơn Công ty cổ phần S không phải chịu; trả lại cho Công ty cổ phần S Có Ngay tiền tạm ứng án phí đã nộp là 894.000 đồng theo biên lai số 0000934 ngày 08/5/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án cho bị đơn.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H. Châu Thành;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Huệ

